

NGUYỄN THỊ THANH VÂN*
HOÀNG VĂN CHUNG**

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC BẢO TỒN DI TÍCH TÍN NGƯỠNG Ở HÀ NỘI HIỆN NAY

Tóm tắt: Di sản văn hóa vật thể, trong đó có các di tích tôn giáo, tín ngưỡng là những chứng tích của nền văn hóa Việt Nam và cũng là nơi bảo lưu truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển mau chóng của đất nước, nhiều công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng - những “không gian thiêng” - đang phải đối mặt với các nguy cơ bị xâm lấn, phá hủy, xuống cấp, hoặc thu hẹp về diện tích. Những năm sau Đổi mới (1986), hoạt động bảo tồn những di sản văn hóa nói chung, các di tích tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng đã diễn ra như một phong trào rộng khắp, đặc biệt là ở vùng đồng bằng sông Hồng. Kết quả là nhiều công trình được phục dựng, tôn tạo, trùng tu trở nên rộng, đẹp và bền vững hơn. Nhưng thực tiễn của hoạt động này phát sinh nhiều vấn đề cần được liên tục nhận diện và phân tích. Dựa vào các dữ liệu mới thu thập được, bài viết trình bày những vấn đề chính trong hoạt động bảo tồn di tích tín ngưỡng tại Hà Nội trong những năm gần đây.

Từ khóa: Bảo tồn; di tích; tín ngưỡng; Hà Nội.

Dẫn nhập

Di sản văn hóa ở Việt Nam nói chung được quan tâm đặc biệt trong giai đoạn kể từ Đổi mới đến nay. Hoạt động bảo tồn các di

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ: *Không gian tôn giáo trong bối cảnh đô thị hóa: Nghiên cứu trường hợp Hà Nội* do TS. Hoàng Văn Chung làm chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 18/5/2020; Ngày biên tập: 04/8/2020; Duyệt đăng: 14/8/2020.

sản này đang diễn ra theo nhiều cách thức khác nhau, ở mức độ khác nhau, và bởi nhiều nhân tố khác nhau. Nhưng trên nhiều phương diện sự mai một của những di sản này là một thực tế có thể quan sát được, đặc biệt trước tác động ngày càng lớn của tiến trình hiện đại hóa, thế tục hóa, đi cùng với đô thị hóa. Nhiều công trình tôn giáo, tín ngưỡng đang phải đối mặt với các nguy cơ bị xâm lấn, phá hủy, xuống cấp, thay thế, hoặc thu hẹp cả về không gian và diện tích.

Di sản văn hóa vật thể, trong đó có các di tích tôn giáo, tín ngưỡng là những chứng tích của nền văn hóa Việt Nam và cũng là nơi bảo lưu truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc. Hiện tại, hoạt động bảo tồn những di sản văn hóa nói chung, các di tích tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng đã diễn ra như một phong trào rộng khắp, đặc biệt là ở vùng đồng bằng sông Hồng, trong đó bên cạnh vai trò của nhà nước, vai trò của người dân ngày càng nổi lên như một nhân tố tích cực và chủ động. Nhờ đó, nhiều công trình được phục dựng, trở nên rộng, đẹp và bền vững hơn. Nhưng thực tiễn của hoạt động bảo tồn di tích với sự tham gia của nhiều nhân tố cho thấy cách hiểu về bảo tồn là chưa nhất quán, chưa giống nhau, dẫn đến những kết quả khác với kỳ vọng. Như thế, còn nhiều vấn đề mà hiện thực tiếp tục đặt ra đối với hiện thực hóa các mục tiêu của bảo tồn di tích như đã được quy định trong *Luật Di sản văn hóa* (hợp nhất) ban hành năm 2013.

Dựa vào các dữ liệu mới thu thập được, bài viết này tập trung cập nhật tình hình hoạt động bảo tồn di tích tín ngưỡng ở Hà Nội trong giai đoạn hiện nay. Xuất phát từ việc nhận diện các di sản tín ngưỡng ở Hà Nội, bài viết làm rõ thực trạng hoạt động bảo tồn các di sản này, chỉ ra các nhân tố có vai trò chính, và khái quát các vấn đề đang đặt ra.

1. Nhận diện di sản tín ngưỡng ở Hà Nội

Hà Nội nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, nơi có mật độ lớn nhất so với cả nước về số lượng các di tích tôn giáo và tín

ngưỡng¹. Có thể nói, với sự đa dạng về các loại hình di tích đã được ghi nhận về các giá trị văn hóa, lịch sử, và kiến trúc, Hà Nội là một thành phố của di sản. Ngay tại trung tâm của Thủ đô, có thể thấy sự đa dạng rất lớn về loại hình và sự phân bố của các di sản này. Điều 4, *Luật Di sản văn hóa* (hợp nhất) ban hành năm 2013 quy định: “*Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia*”. Cũng theo Luật này, có thể tìm thấy cách hiểu về di tích trong phần giải thích nội dung của các từ ngữ. Cụ thể, “*di tích lịch sử - văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học*”. Như vậy, các công trình xây dựng phục vụ mục đích thờ cúng, như: đình, đền, miếu, phủ, chùa, nhà thờ, v.v... thuộc vào các di tích văn hóa mà tại đó người ta có thể khám phá lại những chi tiết về lối sống, cách ứng xử với tự nhiên và con người qua nhiều thế hệ. Có thể nói, các công trình kết tinh nhiều giá trị được coi là di sản. Di sản, do đó có thể hiểu một cách chung nhất là tài sản [của các thế hệ trước] để lại. Trong khi đó di tích là những dấu tích còn sót lại, và nhiều di tích là những di sản có giá trị cao. Nói đến di sản tôn giáo và tín ngưỡng tức là nói đến những gì cả hữu hình và vô hình, có giá trị nổi bật, liên quan đến biểu tả niềm tin và thực hành nghi lễ hướng tới cái thiêng, cái mang quyền năng siêu nhiên, của các thế hệ trước mà thế hệ ngày nay được tiếp nhận.

Thực tế, hầu hết các di tích tôn giáo, tín ngưỡng ở Hà Nội là những công trình mang tính biểu tượng cao cho nền văn hóa truyền thống lâu đời, đậm đà bản sắc văn hóa. Về mặt giá trị, các di tích tôn giáo, tín ngưỡng không chỉ đơn thuần tồn tại như những công trình xây lên để phục vụ mục đích thờ cúng “cái thiêng”, là các “không gian thiêng” có tính truyền đời, mà còn có giá trị về mặt cảnh quan, cùng kiến tạo nên những danh lam, thắng cảnh. Đồng thời, các di tích tôn giáo, tín ngưỡng này cũng mang trong mình một nguồn tư liệu vô cùng giá trị về quá khứ của dân tộc, mỗi di

tích đều có thể xem là một hồ sơ độc đáo với rất nhiều thông tin quý hiếm về lịch sử, tư tưởng triết lý, thực hành văn hóa, và ý niệm về diễn tả niềm tin tôn giáo. Hơn nữa, bên trong các di tích tôn giáo, tín ngưỡng, tồn tại nhiều các di vật mà trong số đó có cả những loại được xếp vào “bảo vật quốc gia” mà theo tiêu chí của Luật Di sản là độc bản, độc đáo, có giá trị đặc biệt... Đến năm 2020, Thủ đô Hà Nội có 15 hiện vật và nhóm hiện vật được Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia².

Các di tích có thể được phân loại theo một số cách khác nhau. Một số cách phân loại tiêu biểu bao gồm: *theo cấp xếp hạng* (di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia, di tích cấp tỉnh, thành phố); *theo chức năng* (đình, chùa, đền, miếu, lăng mộ, thành cổ, làng cổ, phố cổ, v.v...); *theo loại hình* (di tích khảo cổ học, di tích lịch sử, di tích lưu niệm danh nhân, di tích tín ngưỡng, tôn giáo, v.v...). Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các di tích ở Hà Nội có niên đại trải dài từ thời đồ đá cũ, thời Bắc thuộc, thời các triều đại quân chủ cho đến thời kỳ Cách mạng tháng Tám năm 1945 và kháng chiến về sau. Theo Báo cáo số 124/BC-VHTT của Sở Văn hóa và Thể thao (UBND Thành phố Hà Nội) *Về công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị các di tích lịch sử-văn hóa và công tác đầu tư, khai thác, quản lý các thiết chế văn hóa thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ năm 2016 đến nay* (từ đây gọi là Báo cáo số 124/BC-VHTT), đến hết năm 2015, trên địa bàn Thành phố đã xác định được tổng số 5.922 di tích lịch sử, văn hóa, trong đó có 2.435 di tích đã được xếp hạng các cấp và 3.487 di tích chưa được xếp hạng. Trong số này, chia theo loại hình có: 50 di tích lịch sử cách mạng; 2.007 ngôi chùa; 1.804 ngôi đình; 811 ngôi đền; 292 ngôi miếu; 18 nghè; 185 ngôi quán; 390 nhà thờ họ; 23 lăng mộ; 1 văn miếu, 35 văn chỉ và 307 di tích loại hình khác (am, phủ, phố cổ, làng cổ, cửa ô)³. Dù theo phân loại nào thì các di tích tôn giáo, tín ngưỡng đều có sự hiện diện.

Thực tế hiện nay, các di tích tôn giáo, tín ngưỡng cũng đóng vai trò là một nguồn lực giúp cho phát triển kinh tế, nâng cao đời sống

vật chất cho người dân thông qua phát triển du lịch văn hóa và dịch vụ tại chỗ. Các di tích tôn giáo, tín ngưỡng được coi như những di sản quý giá từ tổ tiên để lại, không chỉ đáp ứng nhu cầu về mặt tâm linh, tôn giáo, mà còn có thể giúp cho quá trình phát huy các nguồn lợi vật chất vì mục đích phát triển cộng đồng và xã hội. Công tác bảo tồn các di tích ấy do đó là hết sức quan trọng và có ý nghĩa lâu dài đối các thế hệ người Việt Nam. “Bảo tồn di tích” trong phạm vi bài viết này có thể hiểu là hoạt động có kế hoạch và sự chủ động để phục dựng, tu sửa, bảo trì các công trình thờ cúng theo tín ngưỡng truyền thống được coi là di tích. Hành động này có mục tiêu trực tiếp là bảo vệ các giá trị cốt lõi, gia tăng tính bền vững, kiên cố và kéo dài sự tồn tại của công trình ấy.

2. Hoạt động bảo tồn di tích tín ngưỡng ở Hà Nội hiện nay

Hoạt động bảo tồn di tích xưa và nay đều ghi nhận hai nhân tố liên quan tiêu biểu nhất, là nhà nước (chính quyền ở cấp Trung ương và địa phương) và cộng đồng dân cư địa phương nơi di tích hiện diện. Một cách phổ biến nhất, chính quyền chỉ bảo tồn các di tích một cách chọn lọc, chủ yếu dựa vào việc di tích đó đã được xếp hạng và thỏa mãn các tiêu chí theo luật là một di sản văn hóa vật thể. Trong khi đó, người dân bảo tồn các di tích tại địa phương mình tùy vào nhận thức về giá trị cũng như năng lực về tài chính.

2.1. Hoạt động bảo tồn di tích tín ngưỡng của cơ quan chủ quản - Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội

Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội là cơ quan có vai trò chính trong hoạt động này, trên các phương diện tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về các cơ chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn Thành phố, đầu tư kinh phí (toàn phần hoặc hỗ trợ một phần), và thực thi hoặc giám sát thực thi hoạt động bảo tồn di tích.

Trong những năm qua, quy trình tu bổ di tích nói chung, di tích tín ngưỡng nói riêng ở Việt Nam được dựa trên hệ thống pháp luật Việt Nam về tu bổ di tích tương đối ổn định. Quy trình này được

bắt đầu bằng việc xếp hạng di tích để lấy đó làm cơ sở phân cấp quản lý và quyết định mức độ kinh phí dành cho tu bổ. Quy trình xếp hạng di tích thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch⁴.

Về nguyên tắc, chỉ khi hoàn thành việc xếp hạng một di tích, Thành phố mới có cơ sở pháp lý để bảo tồn di tích đó. Do đó, Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội đã giao Ban Quản lý Di tích Danh thắng Hà Nội tiến hành khảo sát, điều tra, xác định mức độ xuống cấp của di tích trên địa bàn 29 quận, huyện để từ đó xây dựng kế hoạch xếp hạng từng năm, triển khai lập hồ sơ theo quy trình hướng dẫn.

Trong những năm gần đây, việc xếp hạng di tích ở Hà Nội có thêm nhiều thành tựu quan trọng. Báo cáo số 124/BC-VHTT của Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội năm 2019 cho biết trong năm 2017-2018, Thành phố đã xếp hạng *di tích Quốc gia đặc biệt* cho 5 di tích; xếp hạng *di tích Quốc gia* cho 13 di tích; xếp hạng *di tích cấp Thành phố* cho 176 di tích. Đồng thời, Thành phố cũng bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động bảo tồn di tích. Thực hiện nhiệm vụ *Xây dựng hệ thống quản lý di tích* theo kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 13/02/2018, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã phê duyệt Kế hoạch số 141/KH-SVHTT về việc triển khai hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành văn hóa. Nhờ đó các cơ sở dữ liệu số hóa được xây dựng, tiến tới việc quản lý di tích hiện đại hơn⁵.

Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội cũng tiến hành khảo sát kỹ lưỡng và có hệ thống về di tích ở các địa bàn thuộc Tp. Hà Nội, đặc biệt từ khi địa giới Thành phố được mở rộng vào năm 2008. Công việc này đã giúp xác định chính xác và mau chóng hơn tình trạng của các di tích nói chung. Dưới đây là bảng thống kê kết quả khảo sát⁶:

Tổng số di tích đã được xác định	Số di tích xuất hiện tình trạng xuống cấp		Số di tích có hạng mục chính đã xuống cấp cần tu sửa cấp thiết	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	5.922	2.225	37.5%	727

Như có thể thấy, có tới hơn 1/3 số di tích ở trong tình trạng xuống cấp. Đồng thời, trên 10% số di tích rơi vào tình trạng phải được tu sửa cấp thiết. Cũng theo báo cáo này, trong số 727 di tích cần tu sửa cấp thiết, có 448 di tích đã xuống cấp và 279 di tích xuống cấp nghiêm trọng, nguy hiểm. Việc khảo sát và đánh giá kỹ lưỡng tình trạng của các di tích này là cơ sở để Hà Nội đưa ra các kế hoạch cụ thể, trong đó có sự ưu tiên cho những di tích có giá trị cao thuộc nhóm cần tu sửa cấp thiết.

Bên cạnh việc trực tiếp chỉ đạo, lên kế hoạch, đầu tư kinh phí tu bổ, Hà Nội cũng đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích. Hàng năm, Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn, cung cấp tài liệu bồi dưỡng kiến thức về công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cấp phòng, ban thuộc UBND cấp huyện, cấp xã đến tiểu ban quản lý di tích. Bên cạnh đó, Sở cũng chủ trì biên soạn và xuất bản cuốn cẩm nang *Hỏi đáp về công tác quản lý di sản văn hóa trên địa bàn Thành phố Hà Nội* vào năm 2015.

Theo trao đổi của chúng tôi với đại diện của Phòng Quản lý Di sản thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội thì đơn vị này chủ động kiểm tra, hướng dẫn cơ sở khắc phục những sai sót và cung cấp thông tin cho báo chí và cho các phiên họp thường kỳ của Hội đồng nhân dân Thành phố, đặc biệt là thông tin về các dự án tu bổ được đặc biệt quan tâm, như: dự án cải tạo chùa Đậu (huyện Thường Tín); phục dựng đình Tăng Phúc (quận Long Biên); thu hồi đất tại di tích đình, đền, chùa Kiêu Kỵ (xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm); quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích chùa Hương (huyện Mỹ Đức); đầu tư mở rộng di tích và thành lập Ban Quản lý di tích đền Hai Bà Trưng (huyện Mê Linh).

Tóm lại, trong quá trình thực hiện chính sách đối với di sản văn hóa nói chung và di tích tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng, Thành phố Hà Nội đã có một kế hoạch ngày càng cụ thể, nhờ đó đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Số lượng di tích được lập hồ sơ và

xếp hạng tăng đều sau mỗi năm; những công trình trọng điểm được đầu tư kinh phí và kỹ thuật để phục dựng và tu bổ có được vẻ đẹp và sự bền chắc rõ rệt; những công trình xuống cấp trầm trọng được khảo sát, lập kế hoạch tu bổ; những công trình do người dân tự ý tu bổ sai quy trình được chính quyền mau chóng vào cuộc, can thiệp và nỗ lực tối đa khôi phục giá trị nguyên bản; công tác bảo vệ cổ vật, bảo vật được quan tâm chu đáo, khiến cho việc mất mát tại các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo giảm đi đáng kể; việc phục dựng và tôn tạo các không gian vật chất cũng tạo điều kiện thuận lợi cho phục hồi các nghi lễ và lễ hội ở địa phương.

2.2. Hoạt động tu bổ di tích tín ngưỡng từ người dân địa phương ở Hà Nội

Các cộng đồng dân cư địa phương ở Hà Nội có vai trò quan trọng trong việc tu bổ di tích. Là những người am hiểu và hiện diện nhiều nhất ở di tích, họ thường là người đầu tiên phát hiện sự xuống cấp, nắm rõ được nguyên nhân và trong nhiều trường hợp biết được các giải pháp kỹ thuật truyền thống. Người dân địa phương cũng là lực lượng tham gia trực tiếp vào hoạt động tu bổ di tích thông qua việc đóng góp về ý tưởng, về lao động hoặc là về kinh phí. Trong bối cảnh hiện nay, với các công trình không thuộc hạng di tích cấp quốc gia hay di tích cấp quốc gia đặc biệt, nguồn vốn nhà nước có thể chi cho hoạt động bảo tồn chỉ là một phần nhỏ, được coi như là “vốn môi”, để từ đó huy động các loại vốn khác, được gọi là vốn “xã hội hóa” - là vốn có được do vận động sự đóng góp từ xã hội, không lấy từ ngân sách nhà nước. Trong những năm gần đây, nguồn vốn “xã hội hóa” này có sự gia tăng mạnh mẽ, chủ yếu đến từ đóng góp của doanh nghiệp và người dân trong và ngoài địa phương nơi có di tích cần tu bổ. Một dẫn chứng cụ thể là theo dữ liệu từ Báo cáo số 124/BC-VHTT của Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội, chỉ trong giai đoạn 2016-2018, đã có 319 lượt di tích được tu bổ, với tổng số kinh phí từ các nguồn là 1.823,8833 tỷ đồng. Trong đó, nguồn từ ngân sách nhà nước giao cho thành phố và các quận, huyện, thị xã là 1.362,465 tỷ đồng, còn nguồn xã hội

hóa là 461,368 tỷ đồng. Như có thể thấy, nguồn “vốn xã hội hóa” hàng trăm tỷ đồng huy động được là rất lớn. Qua khảo sát thực địa tại địa phương, cũng như trao đổi với cán bộ làm công tác bảo tồn di tích, chúng tôi có một nhận xét chung là việc huy động vốn cho việc trùng tu, tôn tạo các “không gian thiêng” luôn dễ dàng hơn nhiều lần so với làm công việc thể tục khác, như: làm đường, cải tạo vệ sinh môi trường, hỗ trợ người gặp hoàn cảnh khó khăn... Điều này phần nào cho thấy tầm quan trọng cũng như kỳ vọng mà người dân đặt lên các “không gian thiêng” trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Một dẫn chứng là việc trùng tu và tôn tạo cụm di tích đền thờ và chùa liên quan đến Nguyên phi Ý Lan ở huyện Gia Lâm, nằm ngay mặt đường quốc lộ 5 nối Hà Nội và Hải Phòng. Trong trao đổi với chúng tôi, đại diện Ban Quản lý di tích cho biết, dân gian tương truyền rằng ngay sau khi Nguyên phi qua đời năm 1017, đền thờ Bà đã được lập nên. Năm 2013, đền được trùng tu lớn phần hậu cung vốn đã dột nát và có nguy cơ sập đổ. Khi đó, tổng kinh phí 1,8 tỷ là đến từ nguồn vốn “xã hội hóa”, tức là vận động nhân dân và các nhà hảo tâm đóng góp, không lấy kinh phí của nhà nước. Việc trùng tu đề cao nguyên tắc giữ nguyên bản nên gỗ tự nhiên được sử dụng dù hết sức đắt đỏ. Trong các năm qua, việc trùng tu, nâng cấp ở các mức độ khác nhau vẫn liên tục diễn ra, với sự kết hợp vốn của nhà nước (chiếm phần nhỏ) và vốn của người dân tự đóng góp. Hiện tại, tổng diện tích của cụm di tích này là hơn 4ha, bao gồm chùa, đền, nhà Mẫu, khu tượng đài Nguyên phi. Năm 2010, nhân kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, tượng đài cao 9,1m, nặng 25 tấn bằng chất liệu đồng nhập khẩu từ Nhật Bản và đúc tại chỗ được xây dựng, với tổng kinh phí hơn 22 tỷ, trong đó nhà nước hỗ trợ 9,8 tỷ, phần còn lại là do Ban Quản lý di tích tự vận động được, ở mức trên 50%. Trong thực tế, khi Ban đứng ra vận động nhân dân trong vùng, chỉ trong 2 ngày, đã thu được gần 1 tỷ đồng; bên cạnh các hộ góp 200.000 đồng trở lên, có nhiều hộ góp 5 triệu đồng hoặc lên tới 20 triệu đồng, chưa kể khi đúc tượng, có cá nhân

hoặc công ty còn thả vàng vào khuôn đúc. Ban Quản lý di tích làm việc rất sát sao với các đơn vị thi công để đảm bảo quá trình tu bổ diễn ra đạt các yêu cầu đề ra, đặc biệt về chất lượng và thời gian⁷. Câu chuyện này cho thấy ở những nơi có Ban Quản lý di tích hoạt động hiệu quả, việc trùng tu, tu bổ đạt hiệu quả cao, từ vận động nguồn vốn cho đến đáp ứng các tiêu chí về thi công, bảo vệ tính nguyên gốc và hướng tới phát huy giá trị của di tích.

Nhưng không phải ở đâu cũng có sự thuận lợi như thế. Trong các điều kiện ít thuận lợi hơn, đặc biệt là huy động các nguồn vốn, việc tu bổ di tích chưa được xếp hạng thường gây thất vọng, thậm chí phá hỏng di tích. Sự kiện đình làng 300 năm tuổi ở Lương Xá (xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa) ngoại thành Hà Nội năm 2018 được “làm cho trở thành 1 tuổi” là một ví dụ điển hình. Ngôi đình này được xây dựng từ thế kỷ 17, với nhiều chi tiết còn giữ được thể hiện các giá trị lớn về mặt nghệ thuật kiến trúc. Đình Lương Xá có giá trị cao, nhưng chưa được nhà nước xếp hạng về di tích, và khi nó dột nát tới mức có thể sập, người dân địa phương đã không thể chờ chính quyền hành động. Họ đã tự “hạ giải” toàn bộ và dựng lên một ngôi đình hoàn toàn mới với bộ khung mới bằng bê tông và sắt thép. Khi chính quyền biết được sự việc qua báo chí thì đã muộn, và câu chuyện tìm giải pháp khắc phục khó có thể khả thi. Theo tính toán, chi phí dựng lại như cũ toàn bằng chất liệu gỗ sẽ mất ít nhất 50 tỷ đồng và sự vận động vốn theo cách này là gần như bất khả thi. Nhà nước không thể đầu tư khi công trình chưa được xếp hạng.

Tóm lại, người dân địa phương ở Hà Nội luôn là nhân tố chủ động trong bảo tồn, tôn tạo di tích bởi đó là di sản của chính cộng đồng của họ. Nhưng thực tế, công việc này rất phức tạp, đặc biệt với các di tích cần có sự tu bổ lớn, sửa chữa nhiều. Với các công trình không thuộc di tích cấp quốc gia hay cấp quốc gia đặc biệt, việc vận động vốn “xã hội hóa” phụ thuộc nhiều vào vị trí của di tích, cũng như uy tín, năng lực và mối quan hệ của Ban Quản lý di tích. Ở gần trung tâm thủ đô luôn thuận lợi hơn so với ở xa trung

tâm, như ví dụ chúng tôi đã nêu về cụm di tích ở Gia Lâm và đình làng ở Ứng Hòa.

3. Những vấn đề đặt ra với hoạt động bảo tồn di tích

Hoạt động bảo tồn di tích trong các năm qua đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu, đặc biệt trong lĩnh vực Khảo cổ học, Sử học, Văn hóa học, Kiến trúc, và gần đây là Tôn giáo học. Có những vấn đề nảy sinh mà các công trình nghiên cứu đã phát hiện từ thực tiễn và từ những tranh luận trên các diễn đàn đại chúng. Lê Thành Vinh khi đề cập đến công tác bảo tồn di tích trong bài viết “Bảo tồn di tích - Từ nghịch lý đến cơ sở khoa học” (2018) đã khái quát 5 nhóm quan điểm chính về bảo tồn di tích bao gồm: Quan điểm lịch sử; quan điểm bảo tồn tính nguyên gốc; quan điểm di sản văn hóa phục vụ đời sống xã hội đương đại; quan điểm kết hợp bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích, và quan điểm gắn kết hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Sự tồn tại các nhóm quan điểm tương đối độc lập như thế cũng chính là những lý do mà hoạt động bảo tồn di tích hiện nay thường đối diện với những ý kiến trái chiều mà nhiều khi do xuất phát từ những quan điểm còn chưa có được sự thống nhất. Trong khi đó, từ kinh nghiệm thực tiễn trong công tác quản lý, Tô Văn Động trong bài viết “Tổng quan về di tích thủ đô” (2018) đã khái quát lại những khó khăn hay hạn chế chính của công tác bảo tồn di tích như sau: Nguồn kinh phí chưa đáp ứng nhu cầu tu bổ tôn tạo; đội ngũ cán bộ trong công tác quản lý và đội ngũ thợ trực tiếp tu bổ còn thiếu kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế; số lượng di tích xuống cấp quá lớn nên không cân đối được ngân sách nhà nước, không có đủ nguồn lực; và sự lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện văn bản điều hành. Đây là những vấn đề thường xuyên hiện diện và cũng khó giải quyết trọn vẹn nhất, đặc biệt trong bối cảnh Hà Nội vốn dày đặc các di tích.

Cùng mối quan tâm về khó khăn trong bảo tồn di tích, Nguyễn Viết Chức trong bài viết “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội” (2012) nêu một nghịch lý như sau: “càng

trùng tu, càng bảo tồn lại càng làm mất đi di sản văn hóa cả vật thể, cả phi vật thể”. Đây là điều khiến tác giả lo ngại khi tìm hiểu và phân tích những vấn đề lớn đã đặt ra cho công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa nói chung ở Thăng Long - Hà Nội, bao gồm chủ yếu là thiếu sự thống nhất trong nhận thức về ý nghĩa và sự cần thiết phải bảo tồn và phát huy giá trị di sản; sự tồn tại những bất cập trong quản lý và hoạt động bảo tồn trong thực tiễn.

Một vấn đề thường được nhắc lại là nguy cơ đối với di tích bị xuống cấp mau chóng. Đã và vẫn xuất hiện những hành vi vô tình hoặc cố ý làm tổn hại di tích trên nhiều phương diện khác nhau. Ví dụ, Nguyễn Thế Hùng trong cuốn *Đôi điều về tu bổ di tích tín ngưỡng tôn giáo - Một con đường tiếp cận di sản văn hóa* (2005) đã chỉ ra hai điểm quan trọng: sự xuất hiện tư tưởng ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước và sự thiếu trách nhiệm và thiếu chủ động trong huy động các nguồn lực cần thiết để kịp thời tu bổ di tích. Ông còn nêu ra 3 vấn đề cụ thể hơn nữa, có thể thấy như sau: Di tích tín ngưỡng, tôn giáo bị xuống cấp có các biểu hiện gồm: tình trạng kỹ thuật không được đảm bảo, nhiều hạng mục bị mỗi một xâm hại; môi trường cảnh quan bị biến dạng, với các diện tích mặt nước và cây xanh bị thu hẹp; Ngay cả khi di tích được tu bổ, một số vấn đề đang đặt ra, bao gồm: nguồn lực chưa được quy tụ hợp lý; khi được quy tụ lại không được định hướng để sử dụng có hiệu quả; Trong các hoạt động tu bổ di tích hiện nay, vấn đề bảo quản, sửa chữa nhỏ chưa được coi trọng; hư hỏng nhỏ sẽ dẫn thành hư hỏng lớn. Việc chỉ ra những vấn đề ở mức độ rất chi tiết như thế góp phần làm nổi bật khó khăn và hạn chế khi chính quyền và người dân ứng phó với sự xuống cấp của các di tích.

Các vấn đề đã được phát hiện nêu trên xuất phát từ sự quan sát của các nhà nghiên cứu đối với các di tích nói chung ở Hà Nội. Trong thực tiễn, vẫn liên tục có những vấn đề nảy sinh trong hoạt động bảo tồn di tích, dù cho chủ thể là nhà nước hay cộng đồng dân cư địa phương. Dựa trên việc nắm bắt những vấn đề đã được phát hiện ở trên, trong phạm vi những tài liệu tiếp cận được và quan sát

thực tiễn trong quá trình khảo sát thực địa, chúng tôi khái quát thành tám nhóm vấn đề đang nổi bật trong hoạt động bảo tồn di tích tín ngưỡng ở Hà Nội.

Thứ nhất, việc bảo tồn di tích về bản chất là công việc “chạy đua với thời gian”, song trong thực tế tiến độ của việc bảo tồn thường chậm hơn nhiều so với kỳ vọng. Nguyên nhân chủ yếu là do việc lập hồ sơ và xếp hạng di tích, phê duyệt đề án và cấp kinh phí thường mất nhiều thời gian. Theo kết quả phỏng vấn cán bộ cơ quan quản lý văn hóa, ngay cả khi di tích được xếp hạng, công việc duyệt hồ sơ để phê chuẩn nội dung và ngân sách cho tu bổ dù ở mức độ nào cũng mất tối thiểu 2 năm. Theo thống kê, trên 50% di tích ở Thành phố chưa được nghiên cứu đầy đủ, chưa lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích, chưa có quy hoạch tổng thể để bảo tồn.

Thứ hai, việc chạy đua với thời gian để bảo tồn còn phụ thuộc vào khả năng tài chính của các chủ thể liên quan đến di tích. Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước thì không đảm bảo sự tu bổ và bảo vệ di tích kịp thời. Nguồn kinh phí từ “xã hội hóa” thì tùy vào tầm quan trọng của di tích, sự nổi tiếng của di tích, và năng lực vận động của Ban quản lý di tích mà kinh phí có thể huy động được là ít hay nhiều. Đó là chưa nói đến tâm lý “trông chờ” và “ỷ lại” vào nguồn ngân sách từ Thành phố, hoặc lối suy nghĩ “tiền của dân thì dân tự làm”, dẫn đến việc tự ý phá dỡ để tu sửa và xây mới làm hư hại, thay đổi kết cấu của di tích.

Thứ ba, di tích ở Hà Nội rất đa dạng về loại hình, kiến trúc, kết cấu, vật liệu xây dựng, giá trị văn hóa và lịch sử, dàn trải trên một địa bàn khá rộng, do đó rất khó thực hiện việc áp dụng một khuôn mẫu tu bổ, bảo tồn chung cho dù chính sách, quan điểm của Thành phố khá rõ ràng và ngày càng cụ thể, nhưng lại thiếu sự “đều tay” ở khâu thực thi.

Thứ tư, việc kiểm tra, giám sát hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích ở nhiều địa phương chưa thường xuyên, kịp thời, dẫn đến việc các hoạt động tự ý, tự phát phục dựng, tu bổ di tích vẫn diễn ra, trong nhiều trường hợp làm tổn hại di tích. Một trong các nguyên nhân là

nguồn nhân lực quản lý di tích ở các cấp còn mỏng, thiếu kinh nghiệm, chưa tương xứng với khối lượng công việc và đòi hỏi ngày càng phức tạp của thực tiễn.

Thứ năm, sự phân cấp quản lý đối với các di tích tín ngưỡng vẫn còn nhiều bất cập, có sự chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước và quản lý sự nghiệp giữa Phòng Quản lý di sản và Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội, ví dụ có tình huống Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội được giao quản lý 3 đến 4 di tích, nhưng trên thực tế các di tích này đã được chính quyền cấp huyện trực tiếp quản lý nên gây khó khăn, phức tạp trong hoạt động của Ban cũng như của địa phương.

Một hiện tượng đáng quan tâm khác là cảm giác “bất lực” khi đối diện các thủ tục và quy trình quá phức tạp khiến cho Ban Quản lý di tích ở một số địa phương muốn tìm một hướng đi khác để có thể chủ động hơn trong hoạt động phục dựng hay tu bổ. Điều này đặc biệt diễn ra với các di tích được xếp hạng cấp quốc gia trở lên. Có nơi đã tuyên bố “tra lại danh hiệu cho nhà nước”, theo nghĩa là không cần xếp hạng cấp cao nữa, để có thể dễ dàng và chủ động hơn trong hoạt động tu sửa nhỏ nhưng kịp thời với di tích của mình.

Thứ sáu, tốc độ đô thị hóa cao ở Hà Nội đang là một lực cản không nhỏ đối với việc tu bổ, tôn tạo di tích. Trước hết, các công trình cao tầng đã khiến cho không gian phụ trợ và không gian cảnh quan của di tích bị xâm lấn, đồng thời cản trở việc tiếp cận di tích. Tiếp đến, do lịch sử để lại, một số di tích ở Hà Nội, như: đình Hoàng Mai, khu di tích Cổ Loa, đền Bà Kiệu,... có các hộ gia đình sinh sống trong di tích, ảnh hưởng đến cảnh quan di tích cũng như ảnh hưởng đến tính trang trọng, tính thiêng của di tích.

Thứ bảy, chất lượng tu bổ di tích chưa đồng đều. Ở một số địa phương, trong quá trình tu bổ di tích, những đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện và giám sát còn dễ xảy ra sai phạm. Vì thế những kiến trúc cổ có giá trị bị phá bỏ, hoặc bị hư hỏng, hoặc có thêm

những hạng mục mới. Ví dụ, Đèn Phù Đồng khi được tu bổ năm 2017, người thợ tự ý dùng sơn công nghiệp sơn vào các chi tiết điêu khắc, các mảng chạm có tuổi đời cao, làm mất đi lớp màu nguyên bản, khiến cơ quan hữu trách lại phải tốn kém thời gian, tiền bạc để khôi phục.

Thứ tám, xu thế đưa vào không gian thờ cúng ở các di tích thêm những đối tượng, vật thờ, đồ thờ mới, xa lạ, không có căn cứ, không có sự kiểm tra giám sát của đơn vị tu bổ, cơ quan hữu quan hoặc giới chuyên môn đã làm mất đi nét trầm mặc, thâm sâu, giản dị, căn cốt của di tích cũng như gây bức xúc trong nhân dân.

Tám nhóm vấn đề chúng tôi nêu ở trên không chỉ là những vấn đề mới phát sinh, mà có cả vấn đề đã tồn tại lâu nay. Các vấn đề này không tác động một cách riêng lẻ đến di tích mà tác động đồng thời và ở các mức độ khác nhau. Cũng còn những vấn đề khác, có thể đặc thù với từng hoàn cảnh của di tích mà chúng tôi chưa đề cập ở đây, song những vấn đề đã trình bày là những vấn đề nổi cộm, tiêu biểu, và khá phổ biến.

Kết luận

Trong những năm qua, Hà Nội là địa phương đi đầu và có nhiều thành tựu nổi bật trong công tác bảo tồn di tích, trong đó có di tích tín ngưỡng. Đó là kết quả của hàng loạt các chính sách và văn bản pháp lý thể hiện sự phản ứng kịp thời và bám sát diễn biến trong thực tiễn. Nhưng tám vấn đề đặt ra mà chúng tôi khái quát trong bài viết cho thấy vẫn còn rất nhiều việc phải giải quyết để có một lộ trình thực sự rõ ràng và hiệu quả cho việc bảo tồn di sản tín ngưỡng ở Hà Nội.

Thách thức lớn nhất với công tác bảo tồn di tích hiện nay là làm cách nào để giữ gìn, bảo tồn những tài sản hữu hình do thế hệ đi trước để lại mà không làm mất đi giá trị truyền thống lâu đời, những nét văn hóa tốt đẹp đang hiện diện trong đó. Vấn đề quan trọng không kém nữa là làm cách nào để những di sản này luôn là động lực để khơi dậy niềm tự hào dân tộc, khơi dậy nguồn sức mạnh nội sinh trong quá trình xây dựng và phát triển của đất nước.

Làm thế nào để di sản văn hóa nói chung, di sản tín ngưỡng nói riêng luôn sống động và hấp dẫn trong bối cảnh sống hiện nay? Làm thế nào để hài hòa và cân bằng giữa trách nhiệm và lợi ích của người dân, của chính quyền sở tại ở các địa phương có di tích? Trả lời những câu hỏi này một cách thỏa đáng sẽ góp phần quan trọng cho việc bảo tồn, tu bổ và phát huy những vai trò và giá trị của di tích văn hóa nói chung và di tích tín ngưỡng nói riêng của Thành phố Hà Nội hiện nay và trong tương lai. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem: Tổng cục thống kê Việt Nam (2018), *Báo cáo tổng điều tra cơ sở kinh tế năm 2017*
- 2 *Bảo vật quốc gia - cần lan tỏa giá trị*, truy cập tại: <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Van-hoa/957857/bao-vat-quoc-gia--can-lan-toa-gia-tri>, ngày truy cập 10 tháng 7 năm 2020
- 3 Báo cáo số 124/BC-VHTT ngày 18 tháng 5 năm 2019, *Về công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị các di tích lịch sử-văn hóa và công tác đầu tư, khai thác, quản lý các thiết chế văn hóa thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ năm 2016 đến nay*.
- 4 Quy trình này dựa trên các văn bản pháp lý sau: Luật Di sản văn hóa sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL, ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh.
- 5 Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội (2019), *Báo cáo số 124/BC-VHTT về công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa và công tác đầu tư, khai thác, quản lý các thiết chế văn hóa thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay*.
- 6 Nguồn: Báo cáo số 124/BC-VHTT của Sở Văn hóa và Thể thao Tp. Hà Nội năm 2019.
- 7 Phòng văn đại diện Ban Quản lý cụm di tích Chùa, đền thờ Nguyên phi Ỗ Lan, Gia Lâm, Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2019.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Quốc Bình (2014), *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa Thông tin (2001), Quyết định số 1706/QĐ-BVHTT ngày phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2012), Quyết định số 18/QĐ-BVHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2015), Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BVHTT&DL về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND quận, huyện, thị xã.
5. Hoàng Văn Chung (2015), Khái quát một số thảo luận đáng chú ý hiện nay về tôn giáo trong chính sách công, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 5.
6. Nguyễn Việt Chúc (2012), Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội, *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12, tr. 80-89.
7. Cục Di sản văn hóa (2005), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
8. Phạm Hùng Cường (2018), Nhận diện giá trị di sản trong công tác bảo tồn, *Kiến trúc*, số 282, tr. 26-30.
9. Tô Văn Động (2017), Lời giới thiệu, *Bảo vật quốc gia Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, tr.2-3.
10. Tô Văn Động (2018), Tổng quan về di tích thủ đô, *Thế giới di sản*, số 11-2018 (146), tr. 58-59.
11. Nguyễn Quốc Hùng (2001), Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Khái niệm và nhận thức, *Văn hóa nghệ thuật*, số 4.
12. Nguyễn Thế Hùng (2005), *Đôi điều về tu bổ di tích tín ngưỡng tôn giáo*, Một con đường tiếp cận di sản văn hóa, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 104-143.
13. Quản Hoàng Linh (2012), Bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay, *Văn hóa nghệ thuật*, số 337 (tháng 7).
14. Nguyễn Kim Loan (2014), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
15. Quốc hội (2013), *Luật Di sản văn hóa hợp nhất số 10/VBHN-VPQH*, ban hành ngày 23 tháng 7 năm 2013.
16. Quốc hội (2016), *Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14*, ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2016.
17. Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội (2019), *Báo cáo số 124/BC-VHTT về công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa và công tác đầu tư, khai thác, quản lý các thiết chế văn hóa thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay*.
18. Lưu Trần Tiêu (2002), Giữ gìn và phát huy bản lĩnh, bản sắc dân tộc của văn hóa, *Di sản văn hóa*, số 1.
19. Đặng Thị Tuyết (2015), Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay, *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4.
20. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2016), Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

21. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2018), Quyết định số 6269/2018/QĐ-UBND về việc “Bổ sung kinh phí cho các huyện, thị xã để thực hiện tu sửa cấp thiết, chống xuống cấp cho 50 di tích xếp hạng trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2018”
22. Lê Thành Vinh (2018), Bảo tồn di tích Từ nghịch lý đến cơ sở khoa học, *Kiến trúc*, số 282, tr. 22-25.
23. “Dân số và mật độ dân số năm 2009 phân theo địa phương”, <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=387&idmid=3&ItemID=9865> (tra cứu ngày 13/11/2018)
24. Đặng Văn Bài, *Bảo tồn di sản văn hóa trong quá trình phát triển*, <http://dch.gov.vn/pages/news/preview.aspx?n=358&c=61>, ngày 02/10/2018
25. Hà Phương (2018), <https://vov.vn/di-san/bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-di-tich-lich-su-van-hoa-thu-do-ha-noi-814765.vov>, (4/11/2018).
26. Hoàng Lê (2018), Khắc phục đình Lương Xá ở Ứng Hòa: tiếp tục hay xây mới, truy cập tại <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Van-hoa/910253/khac-phuc-dinh-luong-xa-o-ung-hoa-tiep-tuc-xay-moi-hay-lap-ghep>, (20/3/2020).

Abstract

SOME PROBLEMS OF CONSERVING THE BELIEFS’ RELICS IN HA NOI AT PRESENT

Nguyen Thi Thanh Van

Institute for Religious Studies, VASS

Hoang Van Chung

Institute for Religious Studies, VASS

Tangible cultural heritages, including relics of religions and beliefs, are the evidence of Vietnamese culture and also the place to preserve the national cultural traditions and identity. However, along with the rapid development of the country, many buildings of religions and beliefs, “sacred spaces”, are facing the risks of being invaded, destroyed, degraded. In the years after Doi Moi (1986), the conservation of cultural heritages in general, relics of religions and beliefs in particular took place as a widespread movement, especially in the Red River Delta. As a result, many monuments have been restored, reconstructed, and embellished to become wider, more beautiful, and sustainable. The activities have caused many problems that need to be identified and analyzed. Based on the newly collected data, the article indicates the main issues in the conservation of beliefs’ relics in Hanoi in recent years.

Keywords: Conservation; Relics; Beliefs; Hanoi.